ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2024/QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày tháng năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành đơn giá cung cấp dịch vụ công đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, xác nhận thay đổi đối với trường hợp đăng ký biến động trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 19/6/2023;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBDT ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Liên bộ Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và Ủy ban dân tộc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực;

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT ngày 20/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn quy định mức thu phí, lệ phí đối với việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1849/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1350/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc giao quyền tự chủ về tài chính cho Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2023-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số .../TTr-STNMT ngày ... tháng ... năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành đơn giá cung cấp dịch vụ công đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, xác nhận thay đổi đối với trường hợp đăng ký biến động trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn như sau:

1 Giá dịch vụ công đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, xác nhận thay đổi đối với trường hợp đăng ký biến động đối với tổ chức được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2 Giá dịch vụ công đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, xác nhận thay đổi đối với trường hợp đăng ký biến động đối với hộ gia đình, cá nhân được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu cung cấp dịch vụ.

2. Đối tượng cung cấp dịch vụ: Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2024.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh công khai đơn giá trên Cổng thông tin điện tử tỉnh;

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Công khai đơn giá trên Trang thông tin điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện đơn giá kèm theo quyết định này;

c) Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định.

3. Sở Tài chính theo dõi, quản lý đơn giá dịch vụ công theo quy định.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chính phủ (để báo cáo);
- Các Bộ: TN&MT, TC, XD;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Báo Lạng Sơn, Đài PT-TH tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Công báo tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh, các Phòng: TH, NC, KGVX, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT.

PHỤ LỤC I
ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ CÔNG ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT, XÁC NHẬN THAY ĐỔI ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐỐI VỚI TỔ CHỨC

(Kèm theo Quyết định số…./2024/QĐ-UBND ngày….tháng… năm 2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

1. Giá dịch vụ công cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Đơn giá sản phẩm (đồng)
1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Hồ sơ	678.000
2	Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản	Hồ sơ	642.000
3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản	Hồ sơ	882.000

2. Giá dịch vụ công đăng ký biến động

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Đơn giá sản phẩm (đồng)
I	**Trường hợp đăng ký biến động mà thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	769.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	759.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	964.000
II	**Trường hợp đăng ký biến động mà không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận (Xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp):**		
1	**Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đấ; Chuyển tiếp đăng ký thế chấp tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	296.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	284.000

-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	359.000
2	**Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	294.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	282.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	355.000
3	**Trường hợp thực hiện thủ tục chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đấ; Trường hợp người sử dụng đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm mà bán tài sản gắn liền với đất thuê**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	350.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	342.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	428.000
4	**Trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	291.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	281.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	352.000
5	**Trường hợp xóa cho thuê, xóa cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	276.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	273.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	332.000
6	**Trường hợp có thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	286.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	278.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	345.000
7	**Trường hợp giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	275.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	272.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	330.000
8	**Trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức**		

-	Đối với đất	Hồ sơ	350.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	342.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	428.000
9	**Trường hợp nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	350.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	342.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	428.000
10	**Trường hợp nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	350.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	342.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	428.000
11	**Trường hợp có sự thay đổi về quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	286.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	278.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	345.000
12	**Trường hợp bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	350.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	342.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	428.000
13	**Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	350.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	342.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	428.000
14	**Đăng ký đất đai đối với trường hợp chuyển nhượng dự án bất động sản**		

-	Đối với đất	Hồ sơ	350.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	342.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	428.000
15	**Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	275.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	272.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	330.000
16	**Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	360.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	347.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	441.000
17	**Trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trên Giấy chứng nhận đã cấp**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	278.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	273.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	334.000
18	**Trường hợp đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	365.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	350.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	448.000
19	**Trường hợp người sử dụng đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm mà góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	353.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	343.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	432.000

PHỤ LỤC II
ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ CÔNG ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT, XÁC NHẬN THAY ĐỔI ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐỐI VỚI HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

(Kèm theo Quyết định số…./2024/QĐ-UBND ngày….tháng… năm 2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

1. Giá dịch vụ công cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Đơn giá sản phẩm (đồng)
1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Hồ sơ	541.000
2	Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản	Hồ sơ	504.000
3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản	Hồ sơ	693.000

2. Giá dịch vụ công đăng ký biến động

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Đơn giá sản phẩm (đồng)
I	**Trường hợp đăng ký biến động mà thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	746.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	785.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	1.006.000
II	**Trường hợp đăng ký biến động mà không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận (Xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp)**		
1	**Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Chuyển tiếp đăng ký thế chấp tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	272.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	283.000

-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	362.000
2	**Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	269.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	280.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	356.000
3	**Trường hợp thực hiện thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa hoặc trường hợp chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; người sử dụng đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm mà bán tài sản gắn liền với đất thuê**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	333.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	341.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	430.000
4	**Trường hợp giảm diện tích thửa đất so sạt lở tự nhiên**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	321.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	324.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	400.000
5	**Trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	321.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	324.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	400.000
6	**Trường hợp nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	333.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	341.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	430.000
7	**Trường hợp nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	336.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	344.000

-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	437.000
8	**Trường hợp có sự thay đổi về quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	262.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	270.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	337.000
9	**Trường hợp xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	335.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	342.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	431.000
10	**Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	333.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	341.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	430.000
11	**Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	333.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	341.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	430.000
12	**Có thay đổi với những hạn chế về quyền sử dụng đất tài sản gắn liền với đất**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	262.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	270.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	337.000
13	**Trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trên Giấy chứng nhận đã cấp**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	252.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	247.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	301.000
14	**Trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng**		

-	Đối với đất	Hồ sơ	267.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	276.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	349.000
15	**Trường hợp xóa cho thuê, xóa cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	252.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	256.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	312.000
16	**Góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; Trường hợp người sử dụng đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	336.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	344.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	437.000
17	**Xóa đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất tài sản gắn liền với đất**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	334.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	343.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	434.000
18	**Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết thời hạn sử dụng đất**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	328.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	334.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	417.000
19	**Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	343.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	354.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	455.000
20	**Đính chính giấy chứng nhận đã cấp**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	251.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	254.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	309.000
21	**Trường hợp đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký**		

-	Đối với đất	Hồ sơ	347.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	361.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	467.000
22	**Trường hợp có thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	258.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	263.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	326.000
23	**Trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp**		
-	Đối với đất	Hồ sơ	258.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	263.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	326.000